

Số: 56.../TB-CCTHADS

Cái Nước, ngày 11 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc bán đấu giá tài sản để thi hành án dân sự theo thủ tục rút gọn (lần 13)

Căn cứ Điều 101 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Quyết định thi hành án số 724/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 706/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 13/QĐ-CCTHADS ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 26/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 210/2023/CT-TĐG ngày 12 tháng 07 năm 2023 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thuận Việt;

Căn cứ niêm yết về việc đấu giá tài sản để thi hành án dân sự theo thủ tục rút gọn số 31/NY-ĐGTS ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Công ty đấu giá hợp danh Thanh Bình.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tổ chức bán đấu giá các tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Châu, địa chỉ: Ấp Hoà Trung, xã Lương Thế Trân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

a). Tên, địa chỉ tổ chức bán đấu giá tài sản:

Công ty đấu giá hợp danh Thanh Bình, Địa chỉ: Số 90, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

b. Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

I. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01-2010/HĐTC-MINHCHAU ngày 31/8/2010.

1. Xe ô tô tải đông lạnh, biển số 69L – 6925. Số lượng: 1 chiếc.

- Nhãn hiệu: Hyundai; Năm sản xuất: 2006; Màu sơn: xám;
- Số máy: D6CB6-128053; Số khung: KMFPA8TP7C014068;
- Tình trạng: Xe đã qua sử dụng, hết hạn đăng kiểm, xe không còn bình ắc quy.

2. Xe ô tô tải đông lạnh, biển số 69L-6994. Số lượng: 1 chiếc;

- Nhãn hiệu: HINO; Năm sản xuất: 2009; Màu sơn: trắng;
- Số máy: J08EUF11977; Số khung: RNJFL8JTS9XX 12350;

- Tình trạng: Xe đã qua sử dụng, không khởi động được, hết hạn đăng kiểm, xe không còn bình ắc quy.

II. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02-2010/HĐTC-MINHCHAU, ngày 31/8/2010.

II.1 Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng:

1. Máy dò kim loại. Số lượng: 1 bộ

- Nhãn hiệu: Anritsu; Model: KP 8113AW;
- Tình trạng: Hư hỏng, không sử dụng.

2. Máy đóng gói chân không. Số lượng: 1 bộ

- Nhãn hiệu: Nishihara; Model: AVP 3407; 01 motor công suất khoảng 4HP;
- Trọng lượng: khoảng 560 (kg);
- Tình trạng: Ngưng hoạt động, không sử dụng.

3. Hệ thống phân cỡ. Số lượng: 1 bộ

- Nhãn hiệu: Anritsu;
- Hệ thống phân cỡ bao gồm: Cân điện tử: model KW9765DW2A và các tủ điều khiển; Bộ phận băng tải nạp tôm; Bộ phận băng tải gạt tôm
- Trọng lượng máy: Khoảng 1.000 (kg);
- Tình trạng: Hư hỏng, không sử dụng, hệ thống đã bị tháo rời ra thành nhiều bộ phận...

4. Tủ đông tiếp xúc 1500 kg/mẻ. Số lượng: 2 tủ

- Nhãn hiệu: Searefico;
- Kích thước tủ: 3,75 x 1,7 x 2,5 (m);
- 16 tấm, kích thước: 1,59 x 2,56 x 0,022 (m);
- Hệ thống ben thủy lực + dầm nâng hạ. 01 bơm dầu công suất 05HP; 01 bình chứa dầu bằng thép, có kích thước: 0,4 x 0,6 x 0,3 (m) + ty bơm; 01 Tủ điện điều khiển và các thiết bị bên trong tủ.
- Tình trạng: Đang sử dụng.

5. Máy hàn miệng bao dạng ngang. Số lượng: 01 bộ

- Nhãn hiệu và model máy không còn;
- Kích thước: 1,6 x 0,8 x 1,4 (m);
- 01 motor công suất 1/2HP;
- Tình trạng: Ngưng hoạt động, hệ thống điều khiển hư hỏng.

6. Máy bọc màng co tự động. Số lượng: 01 bộ

- Nhãn hiệu và model máy không còn;
- Kích thước: 1,5 x 0,7 x 1,4 (m);
- 01 motor công suất 0,75kw;
- Tình trạng: Ngưng hoạt động, không sử dụng.

7. Máy quấn đai thùng. Số lượng: 02 bộ

- 01 máy nhãn hiệu: Chali. Model: không còn;
- 01 máy nhãn hiệu: Kingpack. Model: KP-101;
- Kích thước: 0,9 x 0,57 x 0,7 (m);

- Tình trạng: Đang sử dụng.
- 8. Tủ điện điều hòa.** Số lượng: 01 bộ
- 01 máy nhãn hiệu: Chali. Model: không còn;
 - Kích thước: 0,8 x 0,35 x 1,1 (m).
 - Vật liệu: Tôn sơn tĩnh điện;
 - Tình trạng: Hư hỏng.
- 9. Máy tách khuôn mạ băng.** Số lượng: 01 bộ, gồm các bộ phận:
- Máy tách khuôn, kích thước: 2,35 x 0,3 x 1,04 (m), motor bằng tải công suất 2HP, tủ bảo vệ inox;
 - Máy mạ băng, Kích thước: 1,1 x 0,35 x 0,7 (m), motor bằng tải công suất 2HP, tủ bảo vệ inox;
 - Bàn inox, kích thước: 1,05 x 0,57 x 0,85 (m);
 - Tình trạng: Đang sử dụng.
- 10. Máy bơm cấp dịch gas AMONIAC TEIKOKU.** Số lượng: 01 cái.
- Xuất xứ: Nhật Bản; Nhãn hiệu: TEIKOKU
 - 01 motor công suất 2,2kw;
 - Tình trạng: Đang sử dụng.
- 11. Tủ bù tự động hạ thế.** Số lượng: 02 cái.
- Kích thước: 0,7 x 0,5 x 1,5 (m);
 - Thiết bị trong tủ bao gồm: 08 tụ bù, công suất 25A, 04 khởi động từ, 01 CB 400A, 01 đồng hồ vôn kế, 01 đồng hồ Ampe kế, 01 màn hình điều khiển.
 - Vật liệu tủ: Tôn sơn tĩnh điện;
 - Tình trạng: Đang sử dụng.
- 12. Tủ đông gió.** Số lượng: 01 cái.
- Nhãn hiệu: Tashin;
 - Kích thước: 2,2 x 2,03 (m);
 - Motor hiệu Teco, công suất 1,1kw;
 - Tình trạng: Đang sử dụng.
- 13. Tháp giải nhiệt 80RT.** Số lượng: 02 bộ.
- Kích thước tủ: 8,1 x 2,05 x 2,3 (m);
 - Vật liệu: inox SUS304; Tủ có 6 cửa, 6 ngăn, 12 quạt và 3 dàn lạnh. 01 tủ điện và thiết bị điện;
 - Tình trạng: Đang sử dụng.
- 14. Máy áp lực nước.** Số lượng: 02 cái.
- Nhãn hiệu: Tatung (Đài Loan); Công suất: 5HP;
 - Tình trạng: Đang sử dụng.
- 15. Máy in phun.** Số lượng: 01 bộ.
- Nhãn hiệu: Willelt, Model: 43S
 - Tình trạng: Ngưng sử dụng.

II.2 Công trình xây dựng đã qua sử dụng:

1. Hàng rào 1: Dài 212m.

- Hàng rào 1 có kết cấu: Móng đá, cột bê tông đúc sẵn 120x120 (mm), cao 1,5m. Tường xây gạch dày 100 (mm), cao 0,5m, phía trên hàng rào lưới B40 kết hợp khung sắt lưới B40, cao 1,5 (m).

2. Hàng rào 2 + cổng: Dài 371,86 m. Gồm:

- Cổng chính: Dài 10,6m, có kết cấu: Trụ cổng xây gạch lõi BTCT, ốp gạch ceramic; Kích thước trụ cổng: 0,7x0,7x3,2 (m) x 02 trụ. Cửa cổng điều khiển tự động: Bằng hợp kim nhôm, có kích thước: Ngang 9,2m x Cao 0,85m.
- Hàng rào phía trước: Dài 74,15m x cao 2,4m. Có kết cấu: Móng, đà kiềng BTCT, Cột xây gạch, tường rào xây gạch.
- Hàng rào phía sau: Dài 287,11m x cao 2,9 m. Có kết cấu: Móng, đà kiềng BTCT, Cột xây gạch, tường rào xây gạch + một đoạn tường rào bằng khung sắt bọc tôn dài 14m.

3. Hàng rào 3: Dài 171m.

- Hàng rào 1 có kết cấu: Móng đá, cột bê tông đúc sẵn 120x120 (mm), cao 1,5m; tường xây gạch dày 100 (mm), cao 0,4m.

4. Kho vật tư: 125,37 m². Gồm: Kho vật tư 1: 79,6 (m²). Kho vật tư 2: 45,77 (m²), có kết cấu:

- Móng BTCT gia cố cừ tràm; Cột sắt $\Phi 90$ (mm).
- Vách Kho vật tư 1: Vách mặt trước và sau xây gạch cao 1,1 (m), phía trên vách khung sắt bọc tôn; Vách hai bên xây gạch cao 2,3 (m), phía trên khung sắt bọc tấm nhựa; Vách ngăn phòng bằng khung nhôm kính + alu;
- Vách Kho vật tư 2: Vách mặt trước xây gạch cao 2,6 (m), phía trên khung sắt bọc tôn, 01 vách bên hông và vách phía sau xây gạch cao 2,2 (m), phía trên khung sắt bọc tôn + vách bằng tấm nhựa; Vách bên hông sử dụng chung với kho vật tư 1;
- Nền bê tông xi măng; Trần nhựa, mái tôn, xà gồ sắt; Cửa đi kho vật tư 1 và 2 bằng nhôm kính loại 2 cánh mở, có kích thước: 1,1x2,1 (m);

5. Kho phế liệu: 86,57 m². Gồm: Kho phế liệu 1: 47,76 (m²); Kho phế liệu 2: 38,81 (m²), có kết cấu:

- Móng BTCT gia cố cừ tràm + móng xây gạch; Cột sắt $\Phi 90$ (mm) + 40x80 (mm), khung sườn sắt tiền chế;
- Vách Kho phế liệu 1: Vách tường mặt trước xây gạch cao 2,9 (m), phía trên khung sắt bọc tôn; 01 vách bên hông nhờ tường rào; vách bên hông còn lại tường xây gạch cao 1,1 (m), phía trên khung sắt bọc tôn; Phía sau không vách;
- Vách Kho phế liệu 2: Vách mặt trước và mặt sau tường xây gạch cao 1,1 (m), phía trên khung sắt bọc tôn; Một bên vách sử dụng nhờ nhà kho vật tư 1, vách còn lại sử dụng chung kho phế liệu 1;
- Nền bê tông xi măng; Mái lợp tôn kẽm sóng vuông, xà gồ sắt; Cửa đi khung sắt bọc tấm alu, có kích thước: 2,9x2,2 (m);

6. Kho bao bì cũ: 196,5 m². Gồm: Khu phơi quần áo: 96,5 (m²); Phòng hóa chất: 14,08 (m²); Phòng chứa máy giặt: 17,92 (m²); Kho bao bì cũ: 68,0 (m²). có kết cấu:

- Móng BTCT có gia cố cừ tràm; Cột sắt $\Phi 90$ (mm), khung sườn sắt; Trần nhựa, mái tôn, xà gồ sắt; Tường mặt trước xây gạch cao 2,9 (m), phía trên vách tôn; Tường 2 bên xây gạch cao 1,0 (m), phía trên vách tôn; Tường ngăn phòng xây gạch cao 2,9 (m), phía trên tấm panel nhựa; Nền xi măng + gạch ceramic;
- Cửa đi khu phơi quần áo là cửa cuốn inox: 3,0 x 2,6 (m); Cửa đi kho bao bì cũ là cửa nhôm kính: 0,95 x 2,3 (m), cửa sổ nhôm kính: 1,4 x 1,2 (m); Cửa đi phòng hóa chất nhôm alu: 0,9 x 2,2 (m);

7. Nhà xưởng kho lạnh 1: 736,5 m². Gồm: Kho lạnh: 120,0 (m²); Kho lạnh 1: 450,72 (m²); Phòng máy kho lạnh 1: 18,86 (m²); Khu xuất nhập hàng: 21,43 (m²); Kho bao bì: 18,99 (m²) Hành lang: 106,5 (m²). Có kết cấu:

- Nhà xưởng kho lạnh: Móng, cọc, đà kiềng; Trụ đỡ sàn, sàn BTCT. Cột thép I300x150 (mm), cao 13 (m). Khung kèo đỡ mái, xà gồ sắt, mái tôn; Vách khung sắt bọc tôn (vách hiện hữu là vách của kho lạnh);
- Phòng máy kho lạnh 1: 3 mặt vách sử dụng nhờ các kho lạnh liền kề, vách mặt trước bằng khung sắt bọc tôn. Cửa đi khung sắt bọc tôn: 1,4x2,5 (m). Cửa đi phía sau sắt lưới B40: 2,1x1,9 (m). Trần la phong nhựa. Mái lợp tôn, xà gồ sắt, nền sàn BTCT;
- Khu xuất nhập hàng và kho bao bì: Móng, cọc, sàn, trụ đỡ sàn BTCT. Vách mặt trước và bên hông xây gạch dày 200 (mm), cao 1,25 (m); Đà đỡ sàn bằng bê tông cốt thép 300x450 (mm); Nền sàn khu xuất nhập hàng láng đá mài;
- Mái che: Cột sắt $\Phi 90$ (mm), khung kèo đỡ mái bằng sắt $\Phi 27$ và $\Phi 34$ (mm), mái lợp tôn, xà gồ sắt.

8. Kho sửa chữa (xưởng cơ khí): 404,01 m², Gồm: Kho sửa chữa = 297,47 (m²); Phòng vật tư 1 = 15,37 (m²); Phòng vật tư 2 = 19,08 (m²); Phòng vật tư 3 = 19,61 (m²); Phòng vật tư 4 = 48,96 (m²); Vệ sinh = 3,52 (m²), có kết cấu:

- Móng BTCT gia cố cừ tràm; Cột, đà kiềng, đà giằng bằng BTCT; Tường bao xung quanh xây gạch; Tường ngăn phòng vật tư 2,3 xây gạch cao khoảng 3m; Tường ngăn phòng vật tư 4 xây gạch cao khoảng 2m, phía trên khung sắt lưới B40; Vách ngăn mặt trước phòng vật tư 1 bằng khung sắt bọc tôn + lưới B40; Nền bê tông xi măng; Nền phòng vật tư 2,3 bằng gạch ceramic; Vì kèo, xà gồ sắt, mái lợp tôn. Trần nhựa khổ dài;
- Cửa đi chính là cửa cuốn: 4,4 x 3,1 (m); Cửa sổ khung nhôm kính: 2,4x1,2 (m); Cửa đi phòng vật tư 2 bằng nhôm + inox 0,8x2,0 (m); Cửa đi phòng vật tư 3 bằng khung sắt bọc tôn 0,8x2,0 (m); Cửa đi phòng vật tư 1 bằng khung sắt bọc tôn + lưới B40 0,8x1,9 (m); Cửa đi phòng vật tư 4 bằng khung sắt + lưới B40 2,0x1,9 (m); Cửa nhà Vệ sinh: 0,7x1,8 (m);

9. Kho máy: 297,0 m², Gồm kho máy = 287,55 (m²); Phòng điều hành = 9,45 (m²), có kết cấu:

- Móng BTCT có gia cố cừ tràm; Cột, đà kiềng, đà giằng bằng BTCT; Tường xây gạch; một bên không vách (vách hiện hữu sử dụng nhờ nhà xưởng); Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tôn; Nền bê tông cốt thép; Cửa đi sắt cuốn: 4,5 x 3,3 (m) - 02 bộ;
- Phòng điều hành: Tường xây gạch cao 1,2 (m), ốp gạch ceramic, phía trên khung nhôm kính. Nền gạch ceramic, trần la phong nhựa, cửa đi nhôm kính: 0,7 x 1,8 (m);

10. Nhà xưởng kho lạnh 2: 522,42 m², có kết cấu:

- Khung sườn bê tông cốt thép; Vách che từ móng đến sàn xây gạch dày 200 (mm) cao 1,25 (m); Sàn bằng bê tông cốt thép dày 200 (mm), láng đá mài; Vì kèo, xà gỗ thép, mái lợp tôn kẽm mạ màu; Vách bao che phía trên khung sắt bọc tôn;
- Kho hành lang: Cột sắt $\Phi 90$ (mm), khung sườn sắt tiền chế, mái lợp tôn, xà gỗ sắt;
- * **Ghi chú**: Không kê biên phần hệ thống kho lạnh bên trong nhà xưởng.

11. Nhà ở công nhân 1: 527,83 m². Gồm có 12 phòng, có kết cấu:

- Móng BTCT có gia cố cừ tràm; Khung sườn BTCT; Tường xây gạch; Nền láng xi măng; Nền phòng số 4,5 có dán tấm simili; Mái lợp tôn, xà gỗ sắt; Phòng số 3 có trần bằng tấm xốp;
- Cửa đi từ phòng số 1 đến phòng số 10 là cửa khung sắt bọc tôn + kính, có kích thước: 0,8x2,0 (m) – Số lượng: 10 bộ; Cửa đi phòng số 11 bằng khung sắt bọc tấm nhựa; Cửa đi phòng số 12 bằng khung sắt bọc tôn + kính, có kích thước: 1,07x2,25 (m) – Số lượng: 02 bộ; Cửa sổ phòng số 11 bằng khung sắt bọc tấm nhựa; Cửa sổ phòng số 12 bằng khung sắt + kính, có kích thước: 1,07x1,27 (m) – Số lượng: 02 bộ;
- Vệ sinh: Nền lát gạch ceramic, tường ốp gạch ceramic cao 0,75 (m), bồn cầu xốp. Cửa đi nhựa, có kích thước: 0,7x1,9 (m), một số phòng không có cửa;
- Mái che phía trước phòng 11 và 12: Khung kèo đỡ mái bằng sắt bắt vào tường nhà, xà gỗ sắt, mái lợp tôn, nền xi măng;

12. Nhà để xe công nhân 3: 134,3 m², có kết cấu:

- Móng xây gạch bó vữa; Cột sắt $\Phi 76$, nền bê tông xi măng; 03 vách tường xây gạch cao 01 (m), Vách còn lại sử dụng vách nhờ tường rào khu miếu và tường nhà bảo vệ; Khung kèo sắt. Mái lợp tôn, xà gỗ sắt;
- Cổng ra vào 1: Khung sắt hộp, có kích thước: 1,3 x 1,9 (m); Cổng ra vào 2: Khung sắt hộp, có kích thước: 1,44 x 1,8 (m);

13. Nhà để xe công nhân 1 + 2: 152,04 m². Gồm: Nhà để xe công nhân 1 = 95,88 (m²); Nhà để xe công nhân 2 = 56,16 (m²), có kết cấu:

- Móng xây gạch bó vữa; Cột sắt $\Phi 90$ (mm), nền bê tông xi măng; Khung kèo sắt $\Phi 27$ (mm) và $\Phi 34$ (mm). Mái lợp tôn, xà gỗ sắt; Trần nhà để xe công nhân 2 bằng tấm nhựa khổ dài, có kích thước: 4,7 x 9,5 (m);
- Vách tường ngăn giữa nhà để xe công nhân 1 và 2 xây gạch có kích thước: dài 9,6 (m) x cao 1,9 (m);

14. Nhà bảo vệ: 18,71 m², có kết cấu:

- Móng BTCT có gia cố cừ tràm; Cột, đà kiềng, mái bằng BTCT; Tường xây gạch; Nền lát gạch ceramic; Trần la phong xốp;
- Cửa đi nhôm kính, có kích thước: 0,9 x 2,1 (m); Cửa sổ 2 bên hông nhà bảo vệ bằng nhôm kính lùa, có kích thước: 1,4 x 1,2 (m), phía trên khung nhôm kính chết, có kích thước: 1,4 x 0,8 (m); Cửa sổ mặt trước nhà bảo vệ bằng nhôm kính lùa, có kích thước: 2,6 x 1,2 (m), phía trên khung nhôm kính chết, có kích thước: 3,5 x 0,8 (m);

15. Mái che khu nguyên liệu: 128,63 m², có kết cấu:

- Cột sắt $\Phi 90$ (mm); Nền bê tông, láng đá mài; Khung kèo sắt $\Phi 27$ (mm) và $\Phi 34$ (mm). Mái lợp tôn, xà gỗ sắt;

16. Khu phân cỡ: 389,22 m², Gồm: Khu phân cỡ = 213,88 (m²); Mái che khu phân cỡ = 175,34 (m²), có kết cấu:

- Mái che khu phân cỡ: Cột sắt Φ90 (mm); Nền BTCT láng đá mài; Khung kèo sắt Φ27 (mm) và Φ34 (mm); Mái lợp tôn, xà gồ sắt;
- Khu phân cỡ: Móng BTCT gia cố cừ tràm; Cột, đà kiềng bằng BTCT; Nền bê tông xi măng + gạch ceramic; Tường xây gạch cao 4,0 (m), 3 mặt vách bên trong ốp gạch ceramic cao 1,1 (m); Tường mặt trước ốp gạch ceramic cao 1,2 (m); Một vách tường nhờ của các công trình (khu sơ chế, phòng chứa dụng cụ vệ sinh và hành lang); Cửa đi chính bằng cửa cuốn inox, có kích thước: 2,0 x 2,0 (m); Cửa sổ khung nhôm kính, có kích thước: 1,2 x 0,9 (m) và 1,7 x 0,9 (m); Cửa đi phía sau bằng inox, có kích thước: 1,0 x 2,0 (m);

17. Nhà điều hành, căn tin, phòng nghỉ khách, nhà ở Giám đốc: 533,33 m², có kết cấu:

- Móng BTCT gia cố cừ tràm; Cột, đà kiềng bằng BTCT; Tường xây gạch, nền lát gạch ceramic; Khung kèo, xà gồ sắt, mái lợp tôn;
- Phòng khách 1 và khu bếp (52,73m²): Nền gạch ceramic 600x600 (mm), trần thạch cao. Cửa đi chính bằng kính cường lực loại 2 cánh mở, có kích thước: 5,0 x 2,3 (m); Vách ngăn phòng khách và khu bếp bằng khung nhôm lamri kính; Bếp: Thành xây gạch phía trên ốp gạch ceramic cao 0,9 (m), mặt bếp ốp đá granite, tủ bếp bằng gỗ. Cửa đi phía sau pano khung nhôm kính, có kích thước: 1,4 x 2,2 (m); Cửa đi bên hông bằng pano khung gỗ, có kích thước: 1,0 x 2,3 (m); Cửa sổ khung nhôm kính, có khung sắt bảo vệ, có kích thước: 2,4 x 1,2 (m); Mái che phía trước: khung kèo đỡ mái, xà gồ bằng sắt, mái lợp tôn sóng vuông;
- Phòng ngủ 1, hành lang và vệ sinh (43,6m²): Nền lát gạch ceramic 600x600 (mm), trần trang trí thạch cao. Cửa đi phòng pano khung nhôm kính lùa, có kích thước: 0,8 x 2,0 (m); Vách ngăn phòng ngủ 1 và hành lang bằng khung nhôm lamri + kính; Vệ sinh: Tường ốp gạch ceramic cao 1,8 (m), cửa đi pano khung nhôm, có kích thước: 0,8 x 1,9 (m), bồn cầu bột, cửa ngăn phòng tắm kính cường lực, có kích thước: 2,0 x 1,8 (m);
- Phòng khách 2, phòng ngủ 2 và vệ sinh (26,36m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), trần thạch cao, sơn nước. Cửa đi pano khung nhôm kính, có kích thước: 0,9 x 2,15 (m). Vệ sinh: Tường ốp gạch ceramic cao 1,5 (m), bồn cầu bột, cửa đi pano khung nhôm kính, có kích thước: 0,7 x 1,9 (m), cửa sổ lùa khung nhôm kính, có bông bảo vệ, kích thước: 1,0 x 0,5 (m);
- Phòng ngủ 3 và vệ sinh (31,44m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), trần thạch cao, sơn nước. Cửa đi pano khung nhôm kính, có kích thước: 0,9 x 2,15 (m) và 0,8 x 2,0 (m). Vệ sinh: Tường ốp gạch ceramic cao 1,5 (m), bồn cầu bột, cửa đi pano khung nhôm kính, có kích thước 0,7 x 2,0 (m), cửa sổ lùa khung nhôm kính, có bông bảo vệ, kích thước: 1,2 x 0,8 (m);
- Phòng ngủ 4 (15,76m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), trần la phong xốp. Cửa đi pano khung nhôm kính, có kích thước: 0,9 x 2,15 (m). Kệ để đồ: Thành xây gạch, mặt bê tông cốt thép, ốp gạch ceramic, phía trên vách tường ốp gạch ceramic cao khoảng 1,2 (m), cửa tủ kệ bằng nhôm;

- Phòng ngủ 5 + khu bếp (23,30m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), trần la phong xốp. Cửa đi nhôm kính, có kích thước: 0,9 x 2,15 (m) – 2 bộ; Bếp: Bệ đan bê tông cốt thép, thành xây gạch, ốp gạch ceramic;
- Căn tin (148,54m²): Nền bê tông xi măng, trần la phong xốp, một bên vách sử dụng chung với tường phòng ngủ 5, vách đối diện sử dụng chung với phòng nghỉ nhân viên, làm bằng tấm panel. Cửa đi sắt cuốn có kích thước: 2,7 x 3,0 (m), ô lấy sáng bằng khung nhôm kính có kích thước: 4,8 x 2,0 (m) và 3,1 x 2,0 (m), mặt sau cửa sổ lùa nhôm kính, kích thước: 2,1 x 1,8 (m) + 2,7 x 1,8 (m);
- Phòng nghỉ nhân viên (33,46m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), một bên vách sử dụng chung với căn tin, vách ngăn phòng khung nhôm kính, trần la phong xốp, cửa đi khung nhôm kính có kích thước: 0,9 x 2,1 (m); Cửa sổ khung nhôm kính nối liền với cửa sổ căn tin;
- Phòng kiểm nghiệm (36,5m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), trần la phong xốp, cửa đi khung nhôm kính có kích thước: 0,9 x 2,1 (m), cửa sổ lùa khung nhôm kính có kích thước: 1,3 x 1,2 (m), cửa đi lùa khung nhôm kính, kích thước: 1,0 x 1,9 (m);
- Phòng vi sinh (51,71m²): Tường ốp gạch ceramic cao đến trần; Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), trần la phong nhựa, vách ngăn phòng khung nhôm kính, 05 bộ cửa đi khung nhôm kính lùa và 02 bộ cửa đi khung nhôm kính loại 01 cánh mở, có kích thước: 0,8 x 2,0 (m);
- Phòng thống kê (12,4m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), trần la phong xốp, cửa đi khung nhôm kính có kích thước: 1,4 x 2,2 (m);
- Phòng thu mua (14,4m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), trần la phong xốp, cửa đi nhôm kính có kích thước: 0,9 x 2,1 (m), khung nhôm kính chết, kích thước: 0,9 x 1,1 (m);
- Phòng điều hành (33,13m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), tường ốp gạch ceramic cao 1,2 (m), trần la phong xốp, cửa đi nhôm kính có kích thước: 0,9 x 2,1 (m), cửa sổ lùa khung nhôm kính, kích thước: 1,2 x 1,2 (m);
- Phòng nghỉ tài xế (10,0m²): Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm), trần la phong xốp, tường ốp gạch ceramic cao 1,2 (m). Cửa đi khung nhôm panel có kích thước: 0,9 x 2,1 (m), cửa sổ lùa khung nhôm kính, kích thước: 1,0 x 1,2 (m);

18. Phòng BHLĐ cấp đông + văn phòng kho: 39,93 m², có kết cấu:

- Móng xây gạch bó vữa, nền đổ đất cao khoảng 0,3 (m); Cột đỡ mái che hành lang bằng sắt $\Phi 90$ (mm); Tường mặt trước + tường ngăn văn phòng kho và phòng BHLĐ xây gạch cao đến trần, bên trong ốp gạch ceramic cao 1,2 (m); 03 vách tường còn lại xây gạch dày 200 (mm), cao 1,2 (m) ốp gạch ceramic, phía trên vách panel nhờ cửa kho hành lang và kho bao bì; Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm); Mái lợp tôn, xà gồ sắt; Trần la phong xốp; Cửa đi phòng BHLĐ và văn phòng kho bằng pano khung nhôm kính loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,9 x 2,0 (m);

19. Nhà ở công nhân 2: 432,28 m², Gồm có 12 phòng (từ phòng số 13 đến phòng số 24) và 02 hành lang, có kết cấu:

- Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; Tường bao xung quanh và tường ngăn giữa các phòng xây gạch; Một bên tường hành lang 1 dán gạch ceramic cao 1,2 (m), bên đối diện dán gạch ceramic cao 1,2 (m), phía trên là khung nhôm kính chết; Một bên tường hành lang 2 và 2 đầu dán gạch ceramic cao 2,8 (m); Một bên tường của

phòng số 21 dán gạch ceramic cao đến trần; Phòng số 17 tường dán gạch ceramic cao khoảng 1,2 (m); Khung kèo đỡ mái bằng bê tông cốt thép + khung kèo sắt, mái lợp tôn, xà gồ sắt, trần nhựa khổ dài;

- Nền hành lang 1 và 2 bê tông đá mài; Nền các phòng là nền xi măng + nền gạch ceramic; Cửa đi từ phòng 13 đến phòng 20 bằng nhôm kính, kích thước: 0,9x2,0 (m) – 2 bộ; 1,2x2,2 (m) – 3 bộ; 1,0x2,4 (m) – 2 bộ; 0,75 x 2,0 (m) – 1 bộ; Cửa đi từ phòng 21 đến phòng 24 là cửa nhựa có kích thước: 0,9x2,0 (m) – 4 bộ;
- Vệ sinh: Tường xây gạch dày 100 (mm) sơn nước + dán gạch ceramic cao khoảng 1,8 (m), nền gạch ceramic, cầu bệt, cửa đi nhôm kính;

20. Nhà xưởng sản xuất 1: 1.891,3 m², có kết cấu:

* Các khu thuộc nhà xưởng sản xuất 1:

- Móng BTCT gia cố cừ tràm; Cột, đà kiềng, đà giằng bằng bê tông cốt thép; Tường xung quanh xây gạch + ốp gạch ceramic cao đến trần; Tường ngăn các khu chế biến xây gạch cao khoảng 1,2 (m), ốp gạch ceramic, phía trên khung nhôm kính; Nền bê tông láng đá mài; Nền khu BHLĐ lát gạch ceramic 400x400 (mm);
- Khung kèo đỡ mái bằng sắt hộp, mái lợp tôn màu sóng vuông, xà gồ sắt C. Trần la nhựa khổ dài, khung kim loại; Trần kho phụ gia, khu BHLĐ và nhà vệ sinh bằng bê tông cốt thép, sơn nước có trét bả mastic;
- Cửa kho phụ gia: Cửa tổ tò vò bằng panel PU cách nhiệt bọc inox, có kích thước: 0,6 x 0,6 (m); Cửa đi khung inox bọc tấm panel, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,8 x 2,0 (m); 01 bộ cửa sổ khung nhôm kính chết có kích thước x 1,0 x 1,1 (m); Cửa đi khu tiếp nhận nguyên liệu khung inox bọc tấm panel, loại 2 cánh mở, có kích thước: 1,4 x 2,2 (m): 02 bộ; Cửa đi khu hấp khung pano inox kính, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,8 x 2,0 (m) và cửa tổ tò vò bằng panel PU cách nhiệt bọc inox, có kích thước: 0,6 x 0,6 (m); Cửa đi khu IQF 1 khung inox bọc tấm panel, loại cửa lùa về 1 phía, có kích thước: 2,3 x 2,2 (m); Cửa đi khu cấp đông khung pano khung nhôm kính, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,8 x 1,2 (m): 02 bộ; Cửa đi hành lang pano khung inox, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,7 x 2,0 (m) và cửa tổ tò vò bằng panel PU cách nhiệt bọc inox, có kích thước: 0,6 x 0,6 (m); Cửa đi phòng BHLĐ hấp, phòng BHLĐ IQF, phòng BHLĐ Khách, Phòng Nobashi bằng nhựa loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,9 x 2,0 (m) – 4 bộ; Cửa đi hành lang pano nhôm kính loại 2 cánh mở, có kích thước: 1,4 x 2,2 (m);
- Phòng vệ sinh: Nền lát gạch ceramic 400x400 (mm); Tường xây gạch dày 100 (mm), ốp gạch ceramic cao đến trần, 01 vách bên nhờ tường phòng BHLĐ Nobashi, ốp gạch ceramic cao đến trần; Vách ngăn phòng bằng khung sắt bọc tấm panel; 10 bộ cửa phòng vệ sinh bằng nhựa loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,7 x 2,0 (m); Xi bệt, có lavabo;

* Khu văn phòng tầng 1:

- Cầu thang: Bản bê tông cốt thép, bậc xây gạch, ốp đá granite, lan can tay vịn bằng inox; Khung cột, đà sàn bằng bê tông cốt thép; Sàn bê tông cốt thép, nền sàn lát gạch ceramic 600 x 600 (mm); Vách bao bên ngoài xây gạch lửng dày 200 (mm), cao khoảng 0,7 (m), phía trên khung nhôm kính; Vách ngăn hành lang bằng khung nhôm bọc panel cao khoảng 0,7 (m) + phía trên khung nhôm kính; Vách ngăn các phòng bằng khung nhôm kính chết và khung nhôm bọc panel; Phòng thủ quỹ và phòng trợ lý Tổng Giám đốc có 1 vách tường chung với phòng vệ sinh, xây gạch

dày 100 (mm), sơn nước + ốp gạch ceramic cao khoảng 1,2 (m); Vách ngăn phòng làm việc giám đốc xây gạch dày 100 (mm), sơn nước; Mặt dựng và 01 bên hông khung sắt, ốp tấm alu;

- Khung kèo, xà gồ bằng sắt, mái lợp tôn sóng vuông; Cửa đi chính là cửa kính cường lực, loại 1 cánh mở, có kích thước: 1,0 x 2,1 (m); Quầy tiếp tân và khu hành lang trần la phong tấm alu; Cửa đi hành lang pano khung nhôm kính, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,9 x 2,1 (m);
- Kho lưu trữ: Trần alu kết hợp la phong xốp; Cửa đi pano khung nhôm kính, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,7 x 2,1 (m);
- Phòng thủ quỹ: Trần thạch cao kết hợp tấm xốp, cửa đi pano khung nhôm kính, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,9 x 2,0 (m);
- Phòng trợ lý Tổng Giám đốc: Trần la phong panel nhựa, cửa đi pano khung nhôm kính, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,95 x 2,0 (m);
- Phòng họp và phòng kinh doanh: Trần la phong xốp, cửa đi pano khung nhôm kính, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,95 x 2,0 (m): 02 bộ;
- Phòng làm việc Giám đốc: Trần thạch cao, cửa đi pano khung gỗ, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,95 x 2,05 (m) và cửa sổ khung nhôm kính lùa, có kích thước: 1,2 x 1,5 (m): 03 bộ;
- Phòng vệ sinh: Tường xây gạch dày 100 (mm), một bên tường chung với phòng trợ lý Tổng Giám đốc, hành lang tường sơn nước + ốp gạch ceramic cao khoảng 1,2 (m), bên trong phòng vệ sinh ốp gạch ceramic cao tới trần; Trần thạch cao; Nền lát gạch ceramic 250 x 250 (mm), bồn cầu bê tông, có lavabo; 02 bộ cửa đi hành lang bằng nhựa, loại 1 cánh mở, có kích thước: 0,9 x 2,0 (m); 02 bộ cửa đi phòng vệ sinh là cửa pano khung nhôm kính có kích thước: 0,9 x 2,0 (m);

21. Nhà xưởng sản xuất 2: 1.346,42 m², có kết cấu:

* Các khu thuộc nhà xưởng sản xuất:

- Móng BTCT gia cố cừ tràm; Cột, đà kiềng, đà giằng bằng bê tông cốt thép; Tường xung quanh xây gạch dày 100 (mm), mặt trong ốp gạch ceramic cao đến trần, tường mặt ngoài sơn nước. Trong đó có một bức tường dài khoảng 35 (m) chiều cao đến trần là tường sử dụng chung với các khu: khu cấp đông, khu ngâm quay 2, khu tiếp nhận nguyên liệu; Tường ngăn các khu chế biến xây gạch dày 100 (mm), cao khoảng 1,2 (m), ốp gạch ceramic, phía trên khung nhôm kính cao 1,8 (m);
- Nền bê tông cốt thép láng đá mài; Trần la phong nhựa; Khung kèo đỡ mái bằng sắt hộp, mái lợp tôn màu sóng vuông, xà gồ sắt C.
- Cửa đi kho phế liệu khung inox bọc tấm panel, có kích thước: 0,9 x 2,1 (m) và cửa lò tò vò bằng panel PU cách nhiệt bọc inox, có kích thước: 0,7 x 0,7 (m); Cửa đi khu chế biến PTO khung inox bọc tấm panel, có kích thước: 1,5 x 2,1 (m); Cửa đi lùa khu xếp hộp khung inox bọc tấm mica, có kích thước: 3,1 x 2,0 (m); Cửa đi khu Nobashi khung inox bọc tấm panel, có kích thước: 0,7 x 2,2 (m);

* Khu bảo hộ lao động và hành lang:

- Móng BTCT gia cố cừ tràm; Cột, đà kiềng, đà giằng bằng bê tông cốt thép; Tường hành lang và tường ngăn xây gạch dày 100 (mm), ốp gạch ceramic cao đến trần, vách tường phía sau sử dụng chung với tường nhà xưởng; Trần la phong panel tấm nhựa; Nền lát gạch ceramic 400 x 400 (mm);

- Cửa đi các phòng bằng nhôm kính và nhựa cứng, có kích thước: 0,9 x 2,1 (m): 07 bộ; Cửa đi khu hành lang pano khung nhôm mica, có kích thước: 1,3 x 2,1 (m);
- Nhà kho 1: Móng BTCT gia cố cừ tràm, cột gạch, tường xây gạch dày 100 (mm), sơn nước + ốp gạch ceramic cao 1,2 (m), một vách tường sử dụng chung với khu xếp hộp và một vách tường sử dụng chung với khu cấp đông; Nền lát gạch ceramic 400 x 400 (mm), trần la phong xốp, mái lợp tôn, xà gồ sắt, cửa đi nhôm kính, có kích thước: 0,9 x 2,1 (m): 02 bộ;
- Mái che: Nền láng xi măng, khung kèo đỡ mái bằng sắt bắt vào tường nhà xưởng và tường rào, mái lợp tôn, xà gồ sắt.

III. Hợp đồng thế chấp tài sản số 2012CTYMINHCHAU/HĐTC, ngày 19/01/2012.

1. Dàn lạnh máy điều hòa dùng trong phân xưởng. Số lượng: 6 bộ.

Dàn lạnh 1.

- Nhãn hiệu: Guntner;
- Type: GGHF 040.1C/24-AW/12P;
- Fan type: S4E400-AR01-68 (VT0398U);
- Số lượng: 5 bộ, gồm 3 bộ đang sử dụng; 02 bộ hư hỏng không sử dụng;

Dàn lạnh 2.

- Nhãn hiệu: Guntner;
- Type: SGHF 040.1C/24-AW;
- Fan type: S4E400-AR01-68 (VT0398U);
- Số lượng: 1 bộ, đang sử dụng.

2. Hệ thống máy tái đông, máy mạ băng.

2.1 Máy tái đông 500 (kg/giờ). Số lượng: 1 bộ

- Hãng sản xuất: AOWID; Model: FSD500; Công suất: 500 kg/giờ;
- Kích thước phần nạp liệu (DxNxC): 0,72 x 1,75 x 0,95 (m);
- Kích thước phần thân máy (DxNxC): 4,8 x 2,6 x 2,25 (m);
- Chất liệu: inox SUS304;
- Cửa lớn có kích thước (NxC): 0,7 x 1,6 (m) x 2 cái;
- Cửa nhỏ có kích thước (NxC): 0,5 x 1,6 (m) x 2 cái;
- Cửa chứa hệ truyền động có kích thước (NxC): 0,4x0,55 (m) x 2 cái;
- Bên trong hệ thống belt lưới bằng inox khổ 1,3 (m), hệ thống truyền động motor giảm tốc công suất 1,5HP;
- Tủ điện điều khiển bằng inox có kích thước (NxSxC): 0,6x0,3x1,0 (m) và thiết bị điều khiển bên trong tủ: Khởi động từ 10A: 03 cái, CB khối 10A: 05 cái, biến tần: 02 cái, đèn báo, role kiến, công tắc, tấm cách điện bakelite....
- Tình trạng: Đang sử dụng.

2.2 Máy tái đông 1.000 (kg/giờ). Số lượng: 1 bộ

- Hãng sản xuất: AOWID; Model: FSD1000; Công suất: 1.000 kg/giờ;
- Kích thước (DxNxC): 6,9x3,3x2,25 (m);
- Chất liệu: inox SUS304;
- Cửa lớn có kích thước (NxC): 0,7 x 1,6 (m) x 2 cái;

- Cửa nhỏ có kích thước (Nx C): 0,5 x 1,6 (m) x 2 cái;
- Cửa hệ truyền động có kích thước (Nx C): 0,4 x 0,55 (m) x 2 cái;
- Hệ thống belt lưới bằng inox khổ 1,7 (m), truyền động bằng nhôm liên kết con lăn, motor giảm tốc công suất 2HP; Tủ chứa hệ thống truyền động bằng inox SUS304, có kích thước (Nx S x C): 0,75 x 2,45 x 0,95 (m);
- Tình trạng: Đang sử dụng.

2.3 Máy mạ băng. Số lượng: 1 bộ

- Hãng sản xuất: Không xác định; Model: GBJ-1000;
- Kích thước (D x N x C): 1,6 x 2 x 1,2 (m); Vật liệu: Inox; băng tải lưới bằng inox khổ 1,7 (m), motor lưới giảm tốc công suất 1HP;
- Tình trạng: Đang sử dụng.

2.4 Cửa cuốn mở tay. Số lượng: 1 cái

- Hãng sản xuất: Không xác định;
- Kích thước (Nx C): 2,4 x 2,8 (m), dày 50 (mm);
- Vật liệu: Inox bọc form;
- Tình trạng: Đã qua sử dụng.

3. Hệ thống băng chuyền IQF.

- Nhân hiệu: Searefico;
- Hệ thống bao gồm:
 - Băng chuyền nạp liệu tay công suất 650 kg/h: 01 cái.
 - + Kích thước (D x N x C): 4,0 x 1,3 x 0,9 (m);
 - + Vật liệu: inox, có 01 motor giảm tốc 1HP; 01 tủ điện bằng inox, có kích thước (Nx S x C): 0,3 x 0,25 x 0,4 (m) và thiết bị bên trong tủ gồm: 01 biến tần, 01 CB 32A, đèn báo...
 - Băng chuyền cấp đông IQF siêu tốc lưới công suất 650 kg/h: 01 tủ.
 - + Kích thước (D x N x C): 10,0 x 2,85 x 2,75 (m);
 - + Vật liệu: inox SUS304; Cửa tủ băng chuyền inox SUS304, kích thước (Nx C): 0,6 x 1,8 (m) x 04 cái; 01 tủ điện bằng inox, có kích thước (Nx S x C): 0,8 x 0,3 x 1,6 (m) và thiết bị bên trong gồm: CB 175A: 01 cái, biến tần: 01 cái, CB 32A: 13 cái, khởi động từ 18A: 12 cái, đèn báo, tấm cách điện bakelite, role kiến, công tắc....
 - Thiết bị mạ băng công suất 750 kg/h: 01 cái.
 - + Kích thước (D x N x C): 1,8 x 1,3 x 1,25 (m);
 - + Vật liệu: inox, có 01 motor giảm tốc 1HP;
 - Băng chuyền làm cứng công suất 750 kg/h: 01 cái;
 - + Kích thước (D x N x C): 1,7 x 1,3 x 1,1 (m);
 - + Vật liệu: inox, có 01 motor giảm tốc 1HP; 01 tủ điện bằng inox, có kích thước (Nx S x C): 0,3 x 0,25 x 0,4 (m) và thiết bị bên trong tủ gồm: 01 biến tần, 01 CB 32A, đèn báo...
- Máy nén trực vít hai cấp: 01 bộ.

- + Nhãn hiệu: Mycom – Nhật Bản;
- + Model: N201 6LSC-51;
- + Motor công suất: 220 HP;
- 01 bầu tách dầu;
- Tủ điện điều khiển trung tâm: Tủ điện bằng tôn sơn tĩnh điện, Màn hình điều khiển và thiết bị bên trong, Kích thước (NxSxC): 0,55x0,3x0,55 (m);
- Tủ điện động lực: 01 cái.
 - + Kích thước (NxSxC): 1,2x0,6x2,0 (m)
 - + Vật liệu: Tủ bằng tôn sơn tĩnh điện và thiết bị bên trong tủ gồm: CB 630A: 01 cái, CB 100A: 01 cái, CB khối 10A: 06 cái, khởi động từ 265A: 02 cái, khởi động từ 205A: 01 cái, khởi động từ 30A: 05 cái, role kiến: 13 cái, time: 04 cái, bảo vệ pha: 01 cái, đèn báo, tấm cách điện bakelite,...
- Bơm dịch: 01 cái;
 - + Xuất xứ: Nhật Bản; Nhãn hiệu: TEIKOKU;
 - + Model: R42-3115N4G-0204SY1/B; Công suất: 1,5 (kw);
- Bình áp lực (bình chứa cao áp): 01 cái.
 - + Nhãn hiệu: Searefico; Thể tích: 1.071m³;
 - + Kích thước (ĐKxD): 0,7x3,0 (m); Vật liệu: Thép;
- Bình thấp áp: 01 cái.
 - + Nhãn hiệu: Searefico; Thể tích: 1.246m³;
 - + Kích thước (ĐKxD): 0,9x3,0 (m);
 - + Vật liệu: Thép, ở giữa bọc lớp cách nhiệt bên ngoài bọc inox; Chân đỡ bằng thép I cao 1,1 (m), ở giữa bọc lớp cách nhiệt bên ngoài bọc inox;
- Hệ thống đường ống:
 - + Ống thép D40 (mm), ở giữa bọc lớp cách nhiệt bên ngoài bọc inox: dài khoảng 30 (m); Ống thép D25 (mm), ở giữa bọc lớp cách nhiệt bên ngoài bọc inox: dài khoảng 30 (m); Van các loại: van xả, van gas,...
- Tình trạng: Đang sử dụng

4. Dàn ngưng bay hơi cưỡng bức. Số lượng: 01 cái

- Nhãn hiệu: EVAPCO;
- Model: ATC165B;
- Kích thước (NxSxC): 3,65 x 1,15 x 1,9 (m);
- Tình trạng: Không sử dụng, hư hỏng.

IV. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02-2010/HĐTC-MINHCHAU, ngày 31/8/2010.

Hệ thống kho lạnh: 1 hệ thống.

- Kích thước kho lạnh (DxRxC): 32,8x17,4x11,75 (m);
- Kích thước phòng đệm (kho hành lang) (DxRxC): 21,3x5,0x6,4 (m);
- Kích thước khu xuất nhập hàng + kho bao bì (DxRxC): 8,3x4,87x3,6 (m);
- Kết cấu:

- Kho lạnh: Vách kho lạnh bằng tấm panel PU dày 150 (mm), hai mặt bọc tôn mạ màu;
 - Phòng đệm (kho hành lang): Vách, trần bằng tấm panel PU dày 80 (mm), hai mặt bọc tôn mạ màu có khóa camlock, một vách sử dụng nhờ kho lạnh.
 - Khu xuất nhập hàng + kho bao bì: Vách, trần bằng tấm panel PU dày 80 (mm), hai mặt bọc tôn mạ màu có khóa camlock, một vách sử dụng nhờ kho hành lang.
- * **Ghi chú:** Không bao gồm phần nền kho lạnh, không kê biên hệ thống các cửa của kho và 2 vách ngăn, nền và trần của kho lạnh nhỏ.

(Kèm theo Bản vẽ Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Châu của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong)

c). Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

- Thời gian, địa điểm xem tài sản: Ngày 16/4/2024 và ngày 17/4/2024 tại địa chỉ nơi có tài sản đấu giá tọa lạc tại ấp Ấp Hoà Trung, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

d). Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá:

- Thời gian, địa điểm bán và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá liên tục trong giờ hành chính, kể từ ngày niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá tài sản đến 17 giờ 00 phút ngày 24/4/2024 tại Công ty đấu giá hợp danh Thanh Bình, địa chỉ số 90, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

đ). Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

- Hợp đồng thế chấp số 01 - 2010/HĐTC – MINHCHAU, ngày 31/8/2010

+ Phương tiện vận tải đã qua sử dụng có giá 439.334.834 đồng x 90% = 395.401.350 (Ba trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm lẻ một ngàn ba trăm năm mươi đồng);

- Hợp đồng thế chấp số 02 - 2010/HĐTC – MINHCHAU, ngày 31/8/2010

+ Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng có giá 346.472.003 đồng x 90% = 311.824.803 (Ba trăm mười một triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm lẻ ba đồng);

+ Công trình xây dựng đã qua sử dụng có giá 4.083.207.224 đồng x 90% = 3.674.886.501 đồng (Ba tỷ sáu trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm lẻ một đồng);

- Hợp đồng thế chấp số 2012CTYMINHCHAU/HĐTC, ngày 19/01/2012

+ Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng có giá 1.442.921.862 đồng x 90% = 1.298.629.676 (Một tỷ hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng);

- Hợp đồng thế chấp số 022012CTYMINHCHAU/HĐTC, ngày 18/10/2012

+ Hệ thống kho lạnh có giá 205.859.751 đồng x 90% = 185.273.776 (một trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

Tổng cộng: 6.517.795.674 đồng x 90% = 5.866.016.106 (năm tỷ tám trăm sáu mươi sáu triệu không trăm mười sáu ngàn một trăm lẻ sáu đồng).

e). Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

- Tiền đặt trước 10% giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá 500.000đ/hồ sơ.

g). Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Thời gian: Tiền đặt trước nộp trong thời hạn 03 ngày làm việc, trước ngày mở cuộc đấu giá từ ngày 22/04/2024 đến 17 giờ 00 phút ngày 24/4/2024 (Trong giờ hành chính), nộp vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Thanh Bình số: 78010000512529, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam.

- Điều kiện: Phải có đơn đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ kèm theo căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân và giấy đã nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Thanh Bình tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam. Đồng thời, phải là đối tượng được phép đăng ký tham gia đấu giá theo quy định và phải cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền sau khi trúng đấu giá.

- Cách thức: Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá đến Công ty đấu giá hợp danh Thanh Bình nộp trực tiếp hoặc có thể ủy quyền cho người khác nộp thay mình.

h). Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

- Tổ chức đấu giá vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 26/04/2024. Tại Công ty đấu giá hợp danh Thanh Bình.

i). Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức, phương thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá, theo phương thức trả giá lên.

Tổ chức, cá nhân, có nhu cầu mua đấu giá tài sản xin liên hệ và nộp đơn cho Công ty đấu giá hợp danh Thanh Bình.

Địa chỉ: Số 90, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trước khi mở cuộc đấu giá 01 (Một) ngày làm việc, Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Châu, địa chỉ: Ấp Hoà Trung, xã Lương Thế Trân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ số tiền phải thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, định giá, tổ chức bán đấu giá đồng thời có trách nhiệm hoàn trả phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Lương Thế Trân;
- Viện KSND huyện;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Lưu: VT, HSTHA;
- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Trang TTĐT Cục;
- Công TTĐT của Tổng Cục.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Minh Cần

